

Số: /QĐ-BV

Hoài Nhơn, ngày tháng 8 năm 2021

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu  
Mua sắm một số trang thiết bị y tế phục vụ công tác  
khám chữa bệnh của Bệnh viện ĐKKV Bồng Sơn**

### **GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN ĐKKV BỒNG SƠN**

*Căn cứ Quyết định số 54/1998 QĐ-UB ngày 04/7/1998 của UBND tỉnh Bình Định về việc thành lập Bệnh viện ĐKKV Bồng Sơn và chức năng, quyền hạn, nhiệm vụ của bệnh viện;*

*Căn cứ Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 của Quốc Hội khóa XIII, kỳ họp thứ 6 thông qua ngày 26/11/2013;*

*Căn cứ Nghị định 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;*

*Căn cứ Quyết định số 1992/QĐ-UBND ngày 17/5/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định về việc phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu Mua sắm một số trang thiết bị y tế phục vụ công tác khám, chữa bệnh của Bệnh viện ĐKKV Bồng Sơn;*

*Căn cứ Báo cáo thẩm định số 11/BC-TTĐT ngày 09/8/2021 về việc thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu Mua sắm một số trang thiết bị y tế phục vụ công tác khám, chữa bệnh của Bệnh viện ĐKKV Bồng Sơn;*

*Căn cứ Công văn số 765/BV-BGD ngày 13/8/2021 về việc đề nghị Tổ chuyên gia tổ chức đánh giá và hoàn thiện lại báo cáo hồ sơ E-HSDT gói thầu Mua sắm một số trang thiết bị y tế phục vụ công tác khám, chữa bệnh của Bệnh viện ĐKKV Bồng Sơn;*

*Theo đề nghị của tổ chuyên gia thầu tại Tờ trình số 12/TTr-TCG ngày 19/8/2021 về việc đề nghị phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu Mua sắm một số trang*

*thiết bị y tế phục vụ công tác khám, chữa bệnh của Bệnh viện ĐKKV Bồng Sơn và các tài liệu liên quan;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu Mua sắm một số trang thiết bị y tế phục vụ công tác khám, chữa bệnh của Bệnh viện ĐKKV Bồng Sơn như sau:

1. Nhà thầu được lựa chọn: Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Coduphar  
Địa chỉ: Lầu 2,3,4,5,6 tòa nhà 509-515 Tô Hiến Thành, Phường 14, Quận 10, TP Hồ Chí Minh
2. Tổng giá trị đề nghị trúng thầu: 829.500.000 đồng  
*(Bằng chữ: Tám trăm hai mươi chín triệu năm trăm nghìn đồng chẵn./.)*
3. Loại hợp đồng: Hợp đồng trọn gói
4. Thời gian thực hiện hợp đồng: 45 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.
5. Nguồn vốn: Nguồn Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp của Bệnh viện ĐKKV Bồng Sơn

**Điều 2.** Giao cho phòng VTTTB chịu trách nhiệm phối hợp với phòng TCKT tham mưu cho Giám đốc việc ký kết hợp đồng với đơn vị trúng thầu đã được phê duyệt tại Điều 1 theo đúng quy định hiện hành của nhà nước.

**Điều 3.** Trưởng Phòng VTTTB, Trưởng phòng TCKT, đơn vị trúng thầu và các khoa phòng, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

*Nơi nhận:*

- Như Điều 3;
- Lưu: VT.

**GIÁM ĐỐC**

**Trần Quốc Việt**

**PHỤ LỤC TRÚNG THẦU**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BV ngày /8/2021 của Bệnh viện ĐKKV Bồng Sơn)

| STT              | Tên thiết bị                                                                                                         | Phân nhóm theo TT14 | ĐVT | Số lượng | Đơn giá     | Thành tiền         |
|------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|-----|----------|-------------|--------------------|
| 01               | <b>Máy phân tích chức năng đông máu</b><br>Model: HumaClot Pro<br>Hãng sản xuất: Human<br>Nước sản xuất: Đức         | Nhóm 3              | Cái | 01       | 700.000.000 | 700.000.000        |
| 02               | <b>Máy đo điện giải đồ</b><br>Model: EasyLyte Plus Na/K/Cl<br>Hãng sản xuất: Medica Corporation<br>Nước sản xuất: Mỹ | Nhóm 3              | Cái | 01       | 95.000.000  | 95.000.000         |
| 03               | <b>Máy xét nghiệm nước tiểu</b><br>Model: PocketChem UA PU-4010<br>Hãng sản xuất: Arkray<br>Nước sản xuất: Nhật Bản  | Nhóm 3              | Cái | 01       | 34.500.000  | 34.500.000         |
| <b>Tổng cộng</b> |                                                                                                                      |                     |     |          |             | <b>829.500.000</b> |

Bằng chữ: Tám trăm hai mươi chín triệu năm trăm nghìn đồng chẵn./.

## PHỤ LỤC CHI TIẾT

| STT | Tên thiết bị                                                                                                 | Mô tả kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | ĐVT | Số lượng | Đơn giá     | Thành tiền  |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|----------|-------------|-------------|
| 1   | <b>Máy phân tích chức năng đông máu</b><br>Model: HumaClot Pro<br>Hãng sản xuất: Human<br>Nước sản xuất: Đức | <b>Model: HumaClot Pro</b><br>Máy mới 100%<br>Năm sản xuất: từ năm 2020 trở về sau<br>Giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn ISO 13485<br>Nguồn điện cung cấp: 1 pha; 160 đến 240 VAC; F 50 Hz<br>Môi trường hoạt động:<br>+ Nhiệt độ: 10-35°C<br>+ Độ ẩm: 20-80%<br><b>1. Cấu hình:</b><br>- 01 Máy chính<br>- 01 Bút cảm ứng<br>- 01 Dây nguồn<br>- 01 Bộ bình nước sạch kèm cảm biến và màng lọc<br>- 01 Bộ bình nước thải kèm cảm biến<br>- 01 Xylanh 250μL (tích hợp sẵn)<br>- 10 vòng cuvet<br>- 11 Cốc mẫu 4ml<br>- 05 Lọ hóa chất nhựa 5ml<br>- 01 Dung dịch rửa lọ<br>- 01 Dung dịch làm sạch lọ<br>- 03 Vòng giảm kích cỡ cho lọ hóa chất 5ml | Cái | 01       | 700.000.000 | 700.000.000 |

| STT | Tên thiết bị | Mô tả kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | ĐVT | Số lượng | Đơn giá | Thành tiền |
|-----|--------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|----------|---------|------------|
|     |              | <ul style="list-style-type: none"> <li>- 01 USB</li> <li>- 03 Thanh khuấy từ teflon</li> <li>- 02 Cầu chì</li> <li>- 01 Ổ điện an toàn</li> <li>- 01 Adapter chuyển đổi EU-USA</li> <li>- 01 Adapter chuyển đổi EU-UK</li> <li>- 01 UPS</li> <li>- 01 Khay mẫu (tích hợp sẵn)</li> <li>- 01 Khay hóa chất</li> <li>- 01 bộ sách hướng dẫn sử dụng</li> </ul> <p><b>2. <u>Đặc tính kỹ thuật:</u></b></p> <p>1.1 Hiệu năng cao</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chạy xét nghiệm thường quy và đặc biệt.</li> <li>- Tùy ý truy cập trong suốt thời gian vận hành</li> <li>- Sử dụng tiết kiệm, chỉ cần một lượng nhỏ nước rửa</li> <li>- Linh hoạt, có thể chạy các xét nghiệm đo cục đồng, miễn dịch và sinh màu</li> </ul> <p>1.2 Vận hành độc lập</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tự động hiệu chuẩn, pha loãng, chạy lại</li> <li>- Pipet hút hóa chất và mẫu được làm nóng cho công suất cao hơn</li> <li>- Cảm biến mức hóa chất</li> </ul> <p>1.3 Tiết kiệm chi phí</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chỉ cần 1 cuvet mỗi phản ứng</li> </ul> |     |          |         |            |

| STT | Tên thiết bị | Mô tả kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | ĐVT | Số lượng | Đơn giá | Thành tiền |
|-----|--------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|----------|---------|------------|
|     |              | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Ít tiêu thụ nước rửa</li> <li>- Chỉ 3 loại vật tư tiêu hao: cuvet, nước rửa và nước hệ thống</li> </ul> <p>1.4 Đáng tin cậy</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Khả năng cảm biến mức mẫu giúp giảm nguy cơ nhiễm chéo</li> <li>- Tích hợp sẵn máy đọc mã vạch</li> </ul> <p>1.5 Giao diện trực quan</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Màn hình hợp lý cho phép thao tác nhanh hơn</li> <li>- Hỗ trợ đa ngôn ngữ</li> </ul> <p><b>3. Thông số kỹ thuật:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Công suất chạy PT: Lên đến 100 test/giờ</li> <li>- Công suất chạy đa xét nghiệm: Lên đến 58 test/giờ</li> <li>- Số vị trí phản ứng (vòng cuvet): 32</li> <li>- Thể tích phản ứng: 150 - 300 µl</li> <li>- Số vị trí hóa chất (3 vị trí khuấy x 15 ml, 12 vị trí x 5ml): 15</li> <li>- Số vị trí Mẫu/Mẫu khản cấp: 22+3</li> <li>- Số vị trí kiểm chuẩn: 8</li> <li>- Trộn mẫu: Có</li> <li>- Đọc mã vạch mẫu: Có</li> <li>- Giao diện LAN, USB, RS232</li> </ul> |     |          |         |            |

| STT | Tên thiết bị                                                                                                         | Mô tả kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | ĐVT | Số lượng | Đơn giá    | Thành tiền |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|----------|------------|------------|
| 2   | <b>Máy đo điện giải đồ</b><br>Model: EasyLyte Plus Na/K/Cl<br>Hãng sản xuất: Medica Corporation<br>Nước sản xuất: Mỹ | <b>Model: EasyLyte Plus Na/K/Cl</b><br>Máy mới 100%<br>Năm sản xuất: từ năm 2020 trở về sau<br>Giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn ISO13485<br>Nguồn điện cung cấp: 100 - 240 VAC 50/60 Hz<br>Môi trường hoạt động:<br>+ Nhiệt độ: 10-35 <sup>0</sup> C<br>+ Độ ẩm: 20-80%<br><br><b>1. Cấu hình:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Máy chính: 01 cái</li> <li>- Điện cực Na: 01 cái</li> <li>- Điện cực K: 01 cái</li> <li>- Điện cực Cl: 01 cái</li> <li>- Điện cực tham chiếu: 01 cái</li> <li>- Hóa chất máy điện giải</li> <li>- Bộ giấy in nhiệt: 01 bộ</li> <li>- Nước rửa máy</li> <li>- Dây cáp nguồn: 01 cái</li> <li>- Tài liệu hướng dẫn sử dụng: 01 bộ</li> </ul> <b>2. Yêu cầu kỹ thuật:</b><br><b>2.1 Dễ sử dụng</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng rất đơn giản, vận hành theo màn hình hiển thị và lựa chọn lệnh bằng hai phím</li> </ul> | Cái | 01       | 95.000.000 | 95.000.000 |

| STT | Tên thiết bị | Mô tả kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | ĐVT | Số lượng | Đơn giá | Thành tiền |
|-----|--------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|----------|---------|------------|
|     |              | <p>Yes và No</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Mẫu bệnh phẩm có nhiều dạng: Máu toàn phần, huyết thanh, huyết tương hoặc mẫu nước tiểu</li> <li>- In kết quả tự động trong thời gian &lt; 60 giây</li> <li>- Chuẩn máy tự động hoặc khi có yêu cầu</li> <li>- Tự động rửa đầu kim</li> </ul> <p><b>2.2 Dễ bảo trì</b></p> <p>Kiểu dáng thiết kế thuận tiện đơn giản, bảo trì dễ dàng và nhanh chóng</p> <p><b>2.3 Tính kinh tế</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giá cả hợp lý</li> <li>- Chi phí cho một xét nghiệm thấp</li> </ul> <p><b>2.4 Các chế độ đo:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- EasyLyte Na<sup>+</sup>/K<sup>+</sup></li> <li>- EasyLyte Na<sup>+</sup>/K<sup>+</sup>/Cl<sup>-</sup></li> <li>- EasyLyte Na<sup>+</sup>/K<sup>+</sup>/Li<sup>+</sup></li> <li>- EasyLyte Na<sup>+</sup>/K<sup>+</sup>/Ca<sup>++</sup>/pH</li> </ul> <p><b>2.5 Máy in nhiệt bên trong</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- In kết quả bệnh nhân, giá trị chuẩn, dữ liệu kiểm tra chất lượng và tổng hợp kết quả (hàng ngày/hàng tuần/tất cả), đánh dấu những kết quả bất thường</li> </ul> <p><b><u>3. Đặc tính kỹ thuật:</u></b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Mẫu bệnh phẩm: Máu toàn phần, huyết</li> </ul> |     |          |         |            |

| STT | Tên thiết bị | Mô tả kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | ĐVT | Số lượng | Đơn giá | Thành tiền |
|-----|--------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|----------|---------|------------|
|     |              | <p>thanh, huyết tương hoặc nước tiểu</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Dung lượng mẫu: 100μL máu toàn phần, huyết thanh, huyết tương, 60μL ống mao dẫn hoặc 400μL nước tiểu pha loãng (1:10)</li> <li>- Phương thức đo: Đo trực tiếp bằng điện cực chọn lọc Ion (ISE)</li> <li>- Độ chi tiết hiển thị kết quả: Na<sup>+</sup>: 0.1 mmol/L, K<sup>+</sup>: 0.01 mmol/L, Cl<sup>-</sup>: 0.1 mmol/L, Li<sup>+</sup>: 0.01 mmol/L, Ca<sup>++</sup>: 0.01 mmol/L, pH: 0.005 unit</li> <li>- Thời gian phân tích (mẫu máu): 55 giây</li> <li>- Chế độ nước tiểu: Có</li> <li>- Thời gian phân tích (nước tiểu): 90 giây</li> <li>- EasySampler: Có</li> <li>- Ống mao dẫn: Có</li> <li>- Lưu trữ số liệu: Kết quả bệnh nhân: Lưu trữ được 128 kết quả</li> </ul> <p>Kết quả QC: Lưu trữ được 20 kết quả mỗi loại: bình thường, thấp và cao</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chuẩn máy: Tự động hoặc theo yêu cầu</li> <li>- Đầu ra: Máy in nhiệt</li> <li>- Cổng kết nối RS-232C, cổng EasySampler</li> <li>- Môi trường hoạt động: (15 – 32)<sup>0</sup>C, (60 – 90)<sup>0</sup>F, độ ẩm &lt; 85%</li> </ul> |     |          |         |            |

| STT | Tên thiết bị                                                                                                        | Mô tả kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | ĐVT | Số lượng | Đơn giá    | Thành tiền |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|----------|------------|------------|
| 3   | <b>Máy xét nghiệm nước tiểu</b><br>Model: PocketChem UA PU-4010<br>Hãng sản xuất: Arkray<br>Nước sản xuất: Nhật Bản | <b>Model: PocketChem PU-4010</b><br>Máy mới 100%<br>Năm sản xuất: từ năm 2020 trở về sau<br>Giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn ISO13485; ISO 9001<br>Nguồn điện cung cấp: 1 pha; 160-240 VAC; F 50 Hz<br>Môi trường hoạt động:<br>+ Nhiệt độ: 10-35°C<br>+ Độ ẩm: 20-80%<br><b><u>1. Cấu hình:</u></b><br>- Máy chính: 01 cái<br>- Phụ kiện tiêu chuẩn đi kèm: 01 bộ<br>- Tài liệu hướng dẫn sử dụng: 01 bộ<br><b><u>2. Yêu cầu kỹ thuật:</u></b><br>- Máy đo có thể tách khỏi máy in, có thể xách tay và rất linh động để đưa tới bệnh nhân<br>- Vận hành và bảo dưỡng hàng ngày đơn giản<br>- Chỉ ấn nút khởi động, nhúng và đặt qua thử vào máy đo. Chỉ cần rửa buồng chứa que thử để bảo dưỡng hàng ngày.<br><b><u>3. Thông số kỹ thuật:</u></b><br>- Mẫu đo: Nước tiểu<br>- Sử dụng que đo. | Cái | 01       | 34.500.000 | 34.500.000 |

| STT              | Tên thiết bị | Mô tả kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | ĐVT | Số lượng | Đơn giá | Thành tiền         |
|------------------|--------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|----------|---------|--------------------|
|                  |              | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông số đo: Glu, Pro, Bil, Uro, S.G, Bld, pH, Ket, Nit, Leu, Cre &amp; Alb</li> <li>- Nguyên lý đo: Phản xạ bước sóng kép</li> <li>- Công suất đo: 50 test/giờ</li> <li>- Thời gian phản ứng: 60 giây/test</li> <li>- Hiển thị: LCD</li> <li>- Dung lượng lưu kết quả: 100 giá trị</li> <li>- Điện năng tiêu thụ: 3W</li> <li>- Kết nối ngoài: Qua cổng RS232</li> <li>- Nguồn: Pin AA &amp; AC adapter</li> </ul> |     |          |         |                    |
| <b>Tổng cộng</b> |              |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |     |          |         | <b>829.500.000</b> |

Bằng chữ: Tám trăm hai mươi chín triệu năm trăm nghìn đồng chẵn./.